| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 517/2023/QĐST-HNGĐ | *Thành phố H, ngày 01 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 544/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Hồ Tuấn K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 23 hẻm 2 kiệt 58 H1, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 23 hẻm 2 kiệt 58 H1, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T đăng ký hôn vào ngày 19/6/2001 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã T1, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng, không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.

[2] Về con chung: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T có 02 con chung tên Hồ Trang Thảo N, sinh ngày 26/7/2002 và Hồ Trang Nguyên T1, sinh ngày 11/9/2009 (Hiện nay, cháu T1 đang ở cùng với ông K và bà T; nguyện vọng của cháu T1 là ở với mẹ).

Cháu N đã trưởng thành, ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K và bà T thỏa thuận: Giao cháu T1 cho bà T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T có 02 con chung tên là Hồ Trang Thảo N, sinh ngày 26/7/2002 và Hồ Trang Nguyên T1, sinh ngày 11/9/2009.

Cháu N đã trưởng thành (Đủ 18 tuổi), ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Hồ Trang Nguyên T1 cho bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); ông Hồ Tuấn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Trang Nguyên T1 mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hồ Trang Nguyên T1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006251 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Hồ Tuấn K và bà Phạm Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. C, TX. T1 *(ĐKKH số: 33 ngày 19/6/2001);*
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lê Văn Hạnh**